

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH TÂY NINH
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN BẾN CẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/TB-CCTHADS

Bến Cầu, ngày 01 tháng 11 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc kết quả lựa chọn tổ chức thẩm định giá

Căn cứ Bản án số: 37/2023/DS-ST, ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Bản án số: 248/2024/DS-PT, ngày 05/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Quyết định Thi hành án số: 742/QĐ-CCTHADS, ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế số: 24/QĐ-CCTHADS, ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu;

Căn cứ vào hồ sơ năng lực của Công ty cổ phần thẩm định giá và DVTS Toàn Cầu - Chi nhánh Đông Nam Bộ.

Tính hết thời gian thông báo Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh chỉ nhận được một hồ sơ của Công ty cổ phần thẩm định giá và DVTS Toàn Cầu - Chi nhánh Đông Nam Bộ.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh thông báo cho:

Người được thi hành án: ông Trần Văn Dũng, sinh năm 1965, địa chỉ: số 2H, Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Người phải thi hành án: ông Lê Văn Đèo, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Vũ, sinh năm 1976 cùng địa chỉ: số 78, tổ 12, ấp Xóm Lò, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (Đại diện ủy quyền là ông Trần Hoàng Huỳnh, sinh năm 1982, địa chỉ: khu phố Hiệp An, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh).

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu lựa chọn Công ty cổ phần thẩm định giá và DVTS Toàn Cầu - Chi nhánh Đông Nam Bộ để ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá tài sản các tài sản đã kê biên gồm:

1- Phần đất gồm 03 thửa: số 314, 315 và 598, tờ bản đồ số 12. Tổng diện tích 3442,7m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 285980 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu cấp ngày 26/7/2013.

2- Phần đất diện tích 2131,6 m², thuộc thửa đất số 599, tờ bản đồ số 12 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 185852 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu cấp ngày 30/8/2013.

3- Phần đất gồm 03 thửa: số 307, 308 và 309, tờ bản đồ số 12. Tổng diện tích 3388m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 453148 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu cấp ngày 26/8/2010.

4- Phần đất gồm 02 thửa: số 310 và 311, tờ bản đồ số 12. Tổng diện tích 1523,2m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 185856 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu cấp ngày 26/8/2010.

5- Phần đất gồm 02 thửa: số 281 và 282, tờ bản đồ số 12. Tổng diện tích 4470,9m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 209129 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21/11/2017.

Tổng diện tích: 14.956,4m².

Tất cả các phần đất trên do ông Lê Văn Đèo và bà Nguyễn Thị Vũ đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại: ấp Ngã Tắc, xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Vậy, thông báo để Công ty cổ phần thẩm định giá và DVTS Toàn Cầu - Chi nhánh Đông Nam Bộ biết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Lưu: VT, HSTHA.


CHẤP HÀNH VIÊN

Tạ Thanh Hiền



BỘ TƯ PHÁP
TỔNG CỤC THI HÀNH AN DÂN SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2020

PHỤ LỤC 1

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TỜ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

(Ban hành kèm theo Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án)

Tiêu chí có dấu () là tiêu chí bắt buộc cần đạt được*

STT	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ LỰA CHỌN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TỔNG		100		
I	Năng lực pháp lý (tối đa 15 điểm)*		15		
1	Là doanh nghiệp thẩm định giá được đăng ký hoạt động theo Luật doanh nghiệp và thuộc danh sách công bố của Bộ Tài chính đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tài sản	<i>Có 02 chi nhánh trở lên</i>	5	5	- Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp; - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
		Chỉ có 01 chi nhánh	4		
		Không có chi nhánh	3		
2	Doanh nghiệp có thẩm định viên hành nghề tại doanh nghiệp, được doanh nghiệp đóng Bảo hiểm xã hội và được Bộ	<i>Trên 07 thẩm định viên</i>	5	5	
		Từ 05 đến 07 thẩm định viên	4		

	Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề.	Dưới 05 thẩm định viên	3		- Thông báo của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá và danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá tài sản hàng năm.
3	Thời gian hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá	<i>Trên 05 năm</i>	<i>05</i>	<i>5</i>	
		Từ 03 đến 05 năm		5	
		Dưới 03 năm		4	
II	Năng lực kinh nghiệm (tối đa 60 điểm)		60		
1	Hồ sơ đã thẩm định giá trong thời hạn 06 tháng gần nhất tương tự với tài sản kê biên, đã phát hành báo cáo Thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá.	<i>Trên 30 hồ sơ</i>		<i>15</i>	
		Từ 20 đến 30 hồ sơ		14	
		Dưới 20 hồ sơ		13	
2	Mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thẩm định giá	<i>Không bị xử phạt vi phạm hành chính</i>		<i>10</i>	<i>10</i>
		Có kết luận vi phạm nhưng chưa đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính		9	
		Bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã chấp hành, khác phục xong		8	
	Đang trong thời hạn bị xử phạt vi phạm hành chính		0		

3	Thời gian cam kết báo cáo kết quả thẩm định giá, cấp chứng thư thẩm định giá	<i>Trước 07 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.</i>	5		
		Từ 07 đến 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.	4	4	
		Trên 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.	3		
4	Thời gian cam kết giải trình khiếu nại, thắc mắc liên quan đến kết quả thẩm định giá	<i>Tối đa 03 ngày làm việc, tính từ khi nhận được yêu cầu giải trình.</i>	10		
		Trong thời gian 03 đến 05 ngày làm việc	9	9	
		Trên 05 ngày làm việc	8		
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động thẩm định giá	Có hệ thống phần mềm quản lý giá đang hoạt động, có thể trích xuất dữ liệu	10		
		Không có phần mềm nhưng có hệ thống quản lý tập trung cơ sở dữ liệu	9	9	
		Không có phần mềm	0		
6	Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá năm liền kề của doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ Tài chính công bố	Từ 80 điểm trở lên	10	10	
		Từ 70 đến dưới 80 điểm	9		
		Từ 60 đến dưới 70 điểm	8		
III	Năng lực tài chính		15		

1	Có biểu giá dịch vụ cố định được ban hành công khai trên Website của Công ty	5		
2	Có cam kết về biểu phí thẩm định giá theo các tiêu chí dưới đây	5	Thấp nhất trong số các hồ sơ đăng ký	
		4	Thấp thứ 2	
		3	Thấp thứ 3	
		2	Thấp thứ 4	
		1	Thấp thứ 5 trở đi	
3	Doanh thu bình quân từ dịch vụ Thẩm định giá của doanh nghiệp Thẩm định giá trên Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất	5	Trên 5 tỷ/năm	5
		4	Từ 3 - 5 tỷ/năm	
		3	Từ 1-3 tỷ/năm	
		2	Dưới 1 tỷ/năm	
IV	Tiêu chí khác (doanh nghiệp mới khởi nghiệp; vai trò đóng góp xã hội của doanh nghiệp; điều kiện đặc thù của địa phương;)	10		10

Lưu ý: Đối với mục V "tiêu chí khác", căn cứ khung tiêu chí này, Cục trưởng Cục THADS xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm xây dựng tiêu chí cụ thể cho việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá phù hợp với tình chất, đặc điểm của từng loại tài sản, đặc thù từng địa phương (nếu có).